TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/HNGĐ – ST
Ngày 22 - 9 - 2017
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Bích Thuần.

Ông Nguyễn Quang Thái.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2017/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Việt T, sinh năm 1984

Cư trú tại: Tổ 61, tổ dân phố H, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, "có mặt".

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn B, sinh năm 1979

Cư trú tại: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 8 năm 2017 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Việt T trình bày: Chị và anh B kết hôn với nhau vào ngày 23 tháng 9 năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống với nhau tại thôn B, xã B, huyện B. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh B nghe theo gia đình không có ý kiến riêng của mình trong cuộc sống hàng

ngày, sau khi chị sinh con chung thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn, chị và anh B không thống nhất về kinh tế. Mặt khác anh B chơi bời không tu trí làm ăn. Đến tháng 6 năm 2015 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống từ đó đến nay vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Năm 2016 chị đã nộp đơn lên Tòa án xin ly hôn với anh B tuy nhiên sau đó chị rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là cháu Dương Hải P, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2012, hiện nay cháu P đang ở với anh B, trước đây chị có nguyện vọng nuôi cháu tuy nhiên sau đó chị thấy anh B có điều kiện tốt hơn chị vì vậy chị đồng ý để anh B được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu P.

Về tài sản: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn B trình bày: Anh thừa nhận thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như chị T trình bày ở trên, tuy nhiên theo anh nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng về kinh tế dẫn đến các mâu thuẫn khác, chị T lên V làm ít về thăm con, có quan hệ với người khác nhưng anh vẫn bỏ qua. Ngoài ra, trước đây anh có ham chơi tuy nhiên anh đã sửa chữa nhưng chị T không chấp nhận. Nay chị T cương quyết xin ly hôn anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ vì muốn con cái có cả bố và mẹ, mặt khác anh theo Công Giáo (quy định người theo Công Giáo không được ly hôn) nên anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp nếu chị T cương quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo ý chị T, riêng anh không đồng ý và không ký giấy tờ gì.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Dương Hải P, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2012, hiện nay cháu đang ở với anh, nếu phải ly hôn anh xin nuôi cháu P không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh đủ điều kiện nuôi cháu, anh làm nghề Sơn có thu nhập ổn định từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/ 1 tháng và có nhà, đất riêng đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị T và anh B đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự,

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị Việt T được ly hôn với anh Dương Văn B; giao con chung là cháu Dương Hải P cho anh B trực tiếp nuôi con sau ly hôn, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh B và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về chia tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Dương Văn B và yêu cầu giải quyết nuôi con chung, bị đơn anh B hiện đang cư trú tại thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

[2] Về nội dung: Chị T và anh B kết hôn ngày 23 tháng 9 năm 2011, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, tiến bộ vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị T và anh B thừa nhận quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng về quan điểm sống, không thống nhất về kinh tế từ đó kéo theo rất nhiều mâu thuẫn. Chị T xác định tình cảm vợ chồng với anh B không còn, vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2015 đến nay, năm 2016 chị đã có lần nộp đơn lên Tòa án xin ly hôn với anh B nhưng sau đó chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng đến nay không có kết quả, nay chị cương quyết đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Quá trình giải quyết vụ án anh B thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra, một phần do anh trước đây có ham chơi chưa tập trung làm ăn, đến nay anh không đồng ý ly hôn với chị T vì muốn con cái có cả bố và mẹ, mặt khác anh theo Công Giáo, chị T không còn tình cảm với anh, nhưng anh vẫn còn tình cảm. Mặc dù xin đòan tụ nhưng anh B không có bất kỳ biện pháp gì để cải thiện tình cảm, thực tế vợ chồng vẫn ly thân nhau từ năm 2015. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3]Về nuôi con chung: Chị T và anh B có một con chung là cháu Dương Hải P, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2012, hiện nay cháu đang ở với anh B. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh B trình bày nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Hiện tại anh làm nghề sơn thu nhập từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/1 tháng, có chỗ ở ổn định đủ điều kiện về mọi mặt được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, chị T tại Phiên tòa đồng ý để anh B được trực tiếp nuôi cháu P. Do đó, cần giao cháu P cho anh B trực tiếp nuôi con sau ly hôn, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh B và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]Về tài sản: Chị T và anh B không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Việt T được ly hôn anh Dương Văn B.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Dương Hải P, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2012 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh B nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Việt T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2016/0002327 ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Bình Xuyên; chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- UBND xã Bá Hiến;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Xuân Trọng